

NỘI DUNG HỌC TẬP TẠI NHÀ
TUẦN 02 (TỪ 13/9/2021 ĐẾN 18/9/2021)

1. MÔN NGỮ VĂN

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GIỚI):

BÀI 1: LẮNG NGHE LỊCH SỬ NƯỚC MÌNH

TIẾT 2:

ĐỌC VĂN BẢN: SỰ TÍCH HỒ GƯƠM
(TRUYỆN DÂN GIAN VIỆT NAM)

I. TÌM HIỂU CHUNG:

1. **Thể loại:** Truyền thuyết

2. **Đọc, kể tóm tắt:**

3. **Bố cục:** (HS đánh dấu vào SGK)

- Đoạn 1: từ đầu đến “đất nước” => Lạc Long Quân cho mượn gươm.

- Đoạn 2: còn lại => Lạc Long Quân đòi gươm.

II. TÌM HIỂU CHI TIẾT:

1. Long Quân cho mượn gươm:

a. Hoàn cảnh cho mượn gươm:

- Thời gian: Thế kỉ XV, đất nước ta bị giặc Minh đô hộ.

- Nhân dân khổ cực lầm than.

- Nghĩa quân Lam Sơn còn yếu nên nhiều lần bị thua.

b. Cách cho mượn gươm:

- Lê Thận 3 lần đều kéo lưới được một lưỡi gươm (dưới nước).

- Lê Lợi chạy giặc bắt được chuôi gươm (trên rừng).

=> Nhận gươm không dễ dàng, có thử thách. Kết hợp miền ngược với miền xuôi mới tạo ra sức mạnh.

- Gươm có chữ “Thuận thiên”.

=> Cuộc khởi nghĩa chính nghĩa; hợp ý trời, lòng dân; được thần linh ủng hộ.

c. Gươm thần tỏa sáng:

- Nghĩa quân trước khi có gươm:

+ Non yếu.

+ Trốn tránh.

+ Ăn uống khổ sở.

=> Bị động và yếu thế.

- Nghĩa quân sau khi có gươm:

+ Nhuệ khí tăng tiến.

+ Xông xáo tìm địch.

+ Đầy đủ, chiếm được các kho lương của địch.

=> Chủ động và lớn mạnh.

=> Ca ngợi sức mạnh của tinh thần yêu nước; ý chí chiến đấu của nghĩa quân, của khối đại đoàn kết toàn dân.

2. Long Quân đòi lại gươm:

a. Hoàn cảnh đòi gươm:

- Chiến tranh kết thúc, đất nước hoà bình.
- Lê Lợi lên làm vua, dời đô về Thăng Long.

b. Cảnh đòi gươm và trao lại gươm:

- Rùa Vàng đến xin lại gươm thần.
- Nhà vua không hề đắn đo mà sẵn sàng trao trả gươm.
- > Tượng tượng kì ảo.

=> Đánh dấu sự thắng lợi hoàn toàn, thể hiện khát vọng hòa bình của dân tộc ta.

III. TỔNG KẾT:

1. Nội dung:

- Ca ngợi tính chất nhân dân, toàn dân và chính nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.
- Thể hiện khát vọng hòa bình của dân tộc.
- Giải thích nguồn gốc tên gọi hồ Hoàn Kiếm.

2. Nghệ thuật:

- Chi tiết tượng tượng kì ảo.

BÀI 1: LẮNG NGHE LỊCH SỬ NƯỚC MÌNH

TIẾT 3:

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM: HỘI THỎI CƠM THI Ở ĐỒNG VÂN (MINH NHƯNG)

I. TÌM HIỂU CHUNG:

1. **Kiểu văn bản:** Thuyết minh.

2. **Đọc, kể tóm tắt:**

3. **Bố cục:** (HS đánh dấu vào SGK)

- Đoạn 1: từ đầu cho đến “trong làng” => Giới thiệu về hội thổi cơm thi ở Đồng Vân.
- Đoạn 2: tiếp theo đến “đôi với dân làng” => Diễn biến của hội thổi cơm thi.
- Đoạn 3: còn lại => Nguồn gốc và mục đích của hội thổi cơm thi.

II. TÌM HIỂU CHI TIẾT:

1. Giới thiệu hội thổi cơm thi:

- Địa điểm: làng Đồng Vân, xã Đồng Tháp, huyện Đan Phượng, Hà Nội.
- Thời gian: rằm tháng Giêng (15/1 âm lịch).
- Nguồn gốc: bắt nguồn từ các cuộc truy quân đánh giặc của người Việt cổ bên dòng sông Đáy xưa.

2. Diễn biến của hội thổi cơm thi:

STT	Các công đoạn	Quy định (luật lệ cuộc thi)
1	Lấy lửa Chuyển lửa Nhóm lửa	- trên ngọn cây chuối. - châm que diêm vào hương cháy thành ngọn lửa. - châm lửa và đốt vào những ngọn đuốc.
2	Chế biến gạo	xay, giã, giần, sàng từ lúa thành gạo trắng.

3	Đun nấu làm chín cơm	nồi cơm được treo dưới những cành cong, tay cầm cần, tay cầm đuốc.
4	Thời gian	trong khoảng một giờ rưỡi
5	Chất lượng	gạo trắng, cơm dẻo, không cháy.

=> Hội thi thể hiện nét đẹp truyền thống văn hóa dân tộc, sự khéo léo và nhanh nhẹn của con người Việt Nam.

3. Ý nghĩa của hội thổi cơm thi:

- Góp phần giữ gìn và phát huy những nét đẹp cổ truyền trong sinh hoạt văn hóa hiện đại hôm nay.

III. TỔNG KẾT:

1. Nội dung:

- Văn bản thuật lại lễ hội thổi cơm thi ở làng Đòng Văn diễn ra vào ngày rằm tháng Giêng hàng năm. Qua đó, thể hiện niềm tự hào và trân trọng nét đẹp cổ truyền trong sinh hoạt văn hoá hiện đại của dân tộc.

2. Nghệ thuật:

- Ngôn ngữ chính xác, chặt chẽ và sinh động.

B. LUYỆN TẬP:

- Viết đoạn văn ngắn (từ 5 – 7 câu) nêu cảm nhận của em về một chi tiết mà em thích nhất trong truyện truyền thuyết “ Sự tích Hồ Gươm”.
- Em đã được xem hoặc tham gia nhiều lễ hội truyền thống của quê hương. Hãy viết đoạn văn ngắn (từ 5 – 7 câu) nêu suy nghĩ của em về một lễ hội truyền thống mà em cảm thấy ấn tượng nhất.

2. MÔN TOÁN

SỐ HỌC

LUYỆN TẬP

A. Sửa bài tập

Sửa bài tập của **Bài 1 TẬP HỢP. PHẦN TỬ CỦA TẬP HỢP**

Bài tập

1. Cho D là tập hợp các số tự nhiên vừa lớn hơn 5 vừa nhỏ hơn 12. Viết tập hợp D theo hai cách rồi chọn kí hiệu \in , \notin thích hợp thay cho mỗi $?$ dưới đây:

$$5 \text{ ? } D; \quad 7 \text{ ? } D; \quad 17 \text{ ? } D; \quad 0 \text{ ? } D; \quad 10 \text{ ? } D.$$

2. Cho B là tập hợp các số tự nhiên lẻ và lớn hơn 30. Trong các khẳng định sau, khẳng định nào là đúng, khẳng định nào là sai?

a) $31 \in B$; b) $32 \in B$; c) $2002 \notin B$; d) $2003 \notin B$.

3. Hoàn thành bảng dưới đây vào vở (theo mẫu).

Tập hợp cho bởi cách liệt kê các phần tử	Tập hợp cho bởi tính chất đặc trưng
$H = \{2; 4; 6; 8; 10\}$	H là tập hợp các số tự nhiên chẵn khác 0 và nhỏ hơn 11.
	M là tập hợp các số tự nhiên nhỏ hơn 15.
$P = \{11; 13; 15; 17; 19; 21\}$	
	X là tập hợp các nước ở khu vực Đông Nam Á.

4. Viết tập hợp T gồm tên các tháng dương lịch trong quý IV (ba tháng cuối năm). Trong tập hợp T, những phần tử nào có số ngày là 31?

Sửa bài 1/tr9 SGK

Cách 1 : $D = \{6; 7; 8; 9; 10; 11\}$

Cách 2 : $D = \{x \mid x \text{ là số tự nhiên, } 5 < x < 12\}$

$5 \notin D$; $7 \in D$; $17 \notin D$; $0 \notin D$; $10 \in D$

Sửa bài 2/tr9 SGK

$B = \{x \mid x \text{ là số tự nhiên lẻ, } x > 30\}$

a) $31 \in B$ Đúng

b) $32 \in B$ Sai

c) $2002 \notin B$ Đúng

d) $2003 \notin B$ Sai

Sửa bài 3/tr9 SGK

Tập hợp cho bởi cách liệt kê các phần tử	Tập hợp cho bởi tính chất đặc trưng
$H = \{2; 4; 6; 8; 10\}$	H là tập hợp các số tự nhiên chẵn khác 0 và nhỏ hơn 11
$M = \{0; 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9; 10; 11; 12; 13; 14\}$	M là tập hợp các số tự nhiên nhỏ hơn 15
$P = \{11; 13; 15; 17; 19; 21\}$	P là tập hợp các số tự nhiên lẻ lớn hơn 9 và nhỏ hơn 23

$X = \{\text{Việt Nam; Lào; Campuchia; Thái Lan; Myanmar; Philippines; Đông Timor; Singapore; Malaysia; Indonesia; Brunei}\}$	X là tập hợp các nước của khu vực Đông Nam Á
---	--

Sửa bài 4/tr9 SGK

$T = \{\text{tháng 10, tháng 11, tháng 12}\}$

Trong tập hợp T , những phần tử có 31 ngày là : tháng 10 và tháng 12.

Sửa bài tập của Bài 2: TẬP HỢP SỐ TỰ NHIÊN. GHI SỐ TỰ NHIÊN

Thực hành 6

Hoàn thành bảng dưới đây vào vở:

Số La Mã	XII		XXII					XXIV
Giá trị tương ứng trong hệ thập phân		20		17	30	26	28	

Bài tập

- Chọn kí hiệu thuộc (\in) hoặc không thuộc (\notin) thay cho mỗi $?$.
 a) $15 ? \mathbb{N}$; b) $10,5 ? \mathbb{N}^*$; c) $\frac{7}{9} ? \mathbb{N}$; d) $100 ? \mathbb{N}$.
- Trong các khẳng định sau, khẳng định nào là đúng, khẳng định nào là sai?
 a) $1999 > 2003$; b) 100 000 là số tự nhiên lớn nhất;
 c) $5 \leq 5$; d) Số 1 là số tự nhiên nhỏ nhất.
- Biểu diễn các số 1983; 2756; 2053 theo mẫu $1983 = 1 \times 1000 + 9 \times 100 + 8 \times 10 + 3$.
- Hoàn thành bảng dưới đây vào vở.

Số tự nhiên	27		19		16
Số La Mã		XIV		XXIX	

Sửa Thực hành 6/tr12 SGK

Số La Mã	XII	XX	XXII	XVII	XXX	XXVI	XXVIII	XXIV
Giá trị tương ứng trong hệ thập phân	12	20	22	17	30	26	28	24

Sửa bài 1/tr12 SGK

- a) $15 \in \mathbb{N}$; b) $10,5 \notin \mathbb{N}^*$; c) $\frac{7}{9} \notin \mathbb{N}$; d) $100 \in \mathbb{N}$

Sửa bài 2/tr12 SGK

- a) $1999 > 2003$ Sai
 b) 100 000 là số tự nhiên lớn nhất Sai
 c) $5 \leq 5$ Đúng
 d) Số 1 là số tự nhiên nhỏ nhất Sai

Sửa bài 3/tr12 SGK

$1983 = 1 \times 1000 + 9 \times 100 + 8 \times 10 + 3$
 $2756 = 2 \times 1000 + 7 \times 100 + 5 \times 10 + 6$
 $2053 = 2 \times 1000 + 0 \times 100 + 5 \times 10 + 3$

Sửa bài 4/tr12 SGK

Số tự nhiên	27	14	19	29	16
Số La Mã	XXVII	XIV	XIX	XXIX	XVI

B.Luyện tập

Bài 1: Viết tập hợp A các số tự nhiên không vượt quá 5 bằng hai cách sau đó điền ký hiệu thích hợp vào ô vuông

0 A 5 A 3 A 6 A

Giải

Cách 1: $A = \{0; 1; 2; 3; 4; 5\}$

Cách 2: $A = \{x \mid x \text{ là số tự nhiên, } x \leq 5\}$

Ta có thể viết cách 2 như sau: $A = \{x \in \mathbb{N} / x \leq 5\}$

0 \in A 5 \in A 3 \in A 6 \notin A

Bài 2: Viết tập hợp B các số tự nhiên khác 0 và nhỏ hơn 6 bằng hai cách sau đó điền ký hiệu thích hợp vào ô vuông

0 B 5 B 3 B 6 B

(HS tự làm)

Bài 3: Viết tập hợp các chữ cái trong cụm từ “VUI HOC TOAN”

(HS tự làm)

Bài 4: Cho tập hợp $A = \{1; 2\}$; $B = \{1; 2; 4; 6\}$

Điền ký hiệu thích hợp vào ô vuông

1 B 6 B 1 A 4 A 2 A 2 B A B

Bài 4: Viết các tập hợp sau bằng cách liệt kê các phần tử

a) $E = \{x \mid x \text{ là số tự nhiên, } 10 < x < 15\}$

b) $F = \{x \mid x \text{ là số tự nhiên khác 0, } x < 7\}$

c) $G = \{x \mid x \text{ là số tự nhiên, } 18 \leq x \leq 24\}$

d) $H = \{x \mid x \text{ là số tự nhiên chẵn, } 20 \leq x \leq 30\}$

Giải

a) $E = \{11; 12; 13; 14\}$

Câu b, c, d hs tự làm

Bài 5: Viết các tập hợp sau bằng cách liệt kê các phần tử

a) $E = \{x \in \mathbb{N} / 10 < x < 15\}$

b) $F = \{x \in \mathbb{N}^* / x < 7\}$

c) $G = \{x \in \mathbb{N} / 18 \leq x \leq 24\}$

d) $H = \{x \in \mathbb{N} / 20 \leq x \leq 30 \text{ và } x \text{ là số chẵn}\}$

Giải

d) $H = \{20; 22; 24; 26; 28; 30\}$

Câu a, b, c hs tự làm

HÌNH HỌC

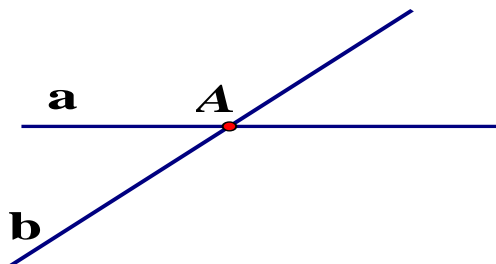
BÀI 3. HAI ĐƯỜNG THẲNG CẮT NHAU, SONG SONG. TIA

A. LÝ THUYẾT

1. Hai đường thẳng cắt nhau, song song

- Nếu hai đường thẳng chỉ có 1 điểm chung, ta nói rằng hai đường thẳng đó **cắt nhau**. Điểm chung còn gọi là **giao điểm** của hai đường thẳng.

Ví dụ :



Hai đường thẳng a và b cắt nhau tại điểm A,

Điểm A còn gọi là **giao điểm** của 2 đường thẳng a và b.

- Nếu hai đường thẳng không có điểm chung, ta nói rằng hai đường thẳng đó **song song** với nhau

Ví dụ :



Hai đường thẳng c và d gọi là hai đường thẳng song song

Thực hành

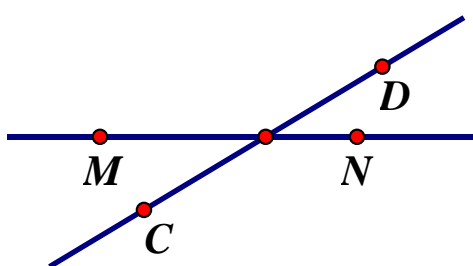
Cho đường thẳng MN như hình bên.



Hãy vẽ hình trong các trường hợp sau:

- Đường thẳng CD cắt đường thẳng MN;
- Đường thẳng EF song song với đường thẳng MN.

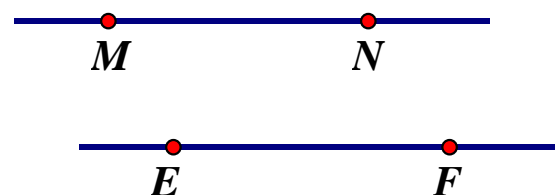
a)
Bổ



khi

đặt tên .

b)



sung
kiến
thức,
đặt tên
đường
thẳng, ta có thể dùng 2 chữ cái in thường để



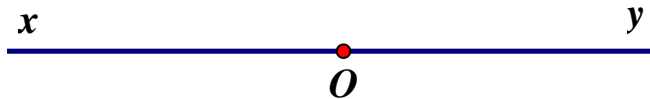
Ví dụ : đường thẳng trên gọi là đường thẳng xy

2. Tia

Mỗi điểm O trên một đường thẳng chia đường thẳng đó thành hai phần, mỗi phần gọi là một tia gốc O.

Ví dụ :

Lấy điểm O trên đường thẳng xy, ta có hai tia Ox và Oy

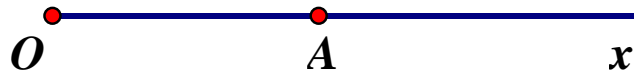


• Chú ý :

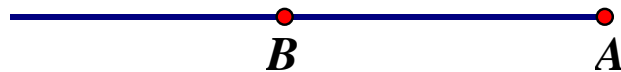
- Ta có thể vẽ tia Ox như sau



- Điểm O gọi là gốc của tia, x gọi là hướng
- Nếu A là một điểm tùy ý trên tia Ox, ta có thể gọi tia Ox là tia OA



- Khi viết (đọc) tia , ta phải viết (đọc) gốc của tia trước.
Ví dụ



Ở hình trên ta thấy điểm A là gốc, nên ta phải đọc gốc trước
Vậy hình trên ta phải đọc là tia AB

B. BÀI TẬP

1, 2, 3, 4 / 78 SGK

1. Em hãy chọn trong các phương án dưới đây để được một phát biểu đúng.

Qua hai điểm A và B phân biệt có

- (A) vô số đường thẳng. (B) chỉ có 1 đường thẳng.
(C) không có đường thẳng nào.

Gợi ý : Xem lại bài 2. Ba điểm thẳng hàng

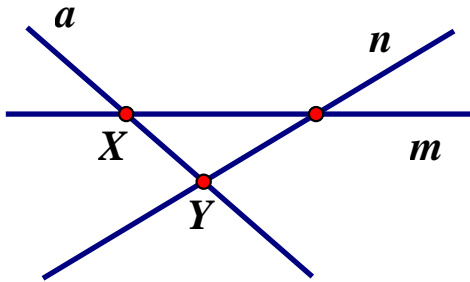
2. Vẽ hình cho các trường hợp sau:

a) Hai đường thẳng p và q cắt nhau tại điểm M .

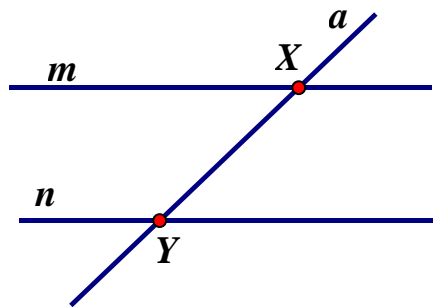
b) Đường thẳng a cắt hai đường thẳng m và n theo thứ tự tại X và Y trong hai trường hợp:
 m và n cắt nhau, hoặc m và n song song với nhau.

a) Học sinh tự làm

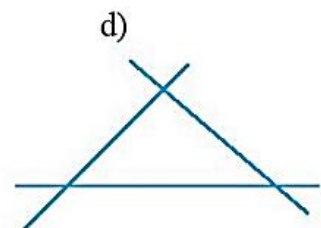
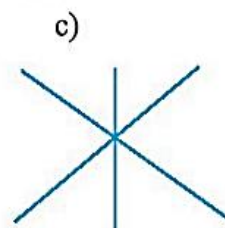
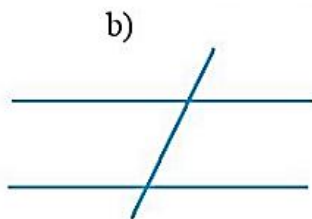
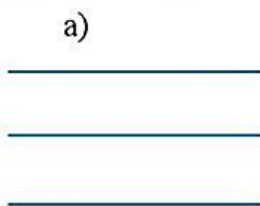
b) Gợi ý : Trường hợp 1 : m và n cắt nhau



Trường hợp 2 : m và n song song với nhau



3. Đếm số giao điểm tạo bởi ba đường thẳng trong mỗi hình sau:



Học sinh tự làm

4. Kể tên các tia có gốc là M trong hình sau:



Tia gốc M là : tia MF , tia MH

BÀI 4. ĐOẠN THẲNG. ĐỘ DÀI ĐOẠN THẲNG.

1. Đoạn thẳng



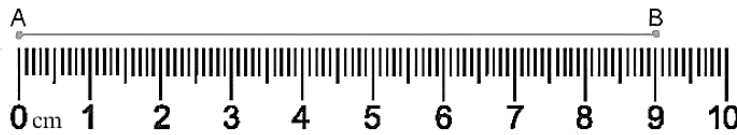
Đoạn thẳng AB là hình gồm hai điểm A, B và tất cả các điểm nằm giữa A và B.

Đoạn thẳng AB còn gọi là đoạn thẳng BA.

Hai điểm A, B gọi là hai đầu mút (hoặc hai đầu) của đoạn thẳng AB.

2. Độ dài đoạn thẳng

- Mỗi đoạn thẳng có một độ dài. Độ dài đoạn thẳng là một số dương.
- Độ dài đoạn thẳng AB còn gọi là khoảng cách giữa hai điểm A và B.
- Nếu hai điểm trùng nhau thì khoảng cách giữa chúng bằng 0.



Ta nói độ dài đoạn thẳng AB là 9cm.

Kí hiệu $AB = 9\text{cm}$ hay $BA = 9\text{cm}$.

- **Chú ý:** Độ dài đoạn thẳng không phải bao giờ cũng là số tự nhiên.
Ví dụ



Ở hình này độ dài $AB = 3,4\text{ cm}$

3. So sánh hai đoạn thẳng

Ta so sánh hai đoạn thẳng bằng cách so sánh độ dài của chúng.

Ví dụ : $AB = 3\text{cm}$, $CD = 3\text{cm}$, $EF = 5\text{cm}$

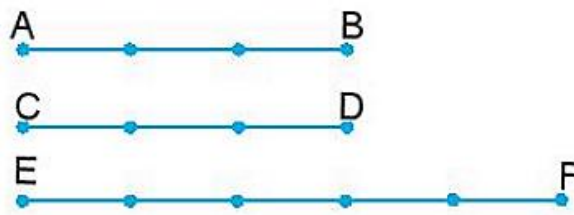
Ta ghi như sau :

$AB = CD$ (vì $3\text{cm} = 3\text{cm}$)

$EF > AB$ (vì $5\text{cm} > 3\text{cm}$)

$CD < EF$ ($3\text{cm} < 5\text{cm}$)

4. Một số dụng cụ đo độ dài



Thước cuộn, thước xếp, thước dây

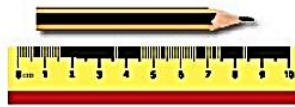
B. BÀI TẬP

Bài 1, 3, 4, 5(SGK/81-tập 2)

1. a) Cách đặt thước đo nào trong hình dưới đây sẽ cho biết chính xác độ dài chiếc bút chì?



a)



b)

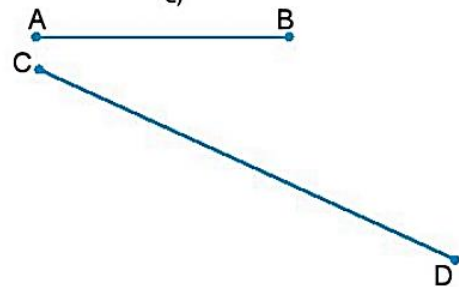


c)

- b) Cho hai đoạn thẳng AB và CD như hình bên.

– Đo độ dài hai đoạn thẳng trên.

– Vẽ đoạn thẳng MN có độ dài bằng tổng độ dài hai đoạn thẳng trên.



Hướng dẫn

- a) Chọn câu c)
b) Học sinh tự đo trong SGK
c) Học sinh tự vẽ

Bài 2/81 SGK. Do học trực tuyến, không đo được bàn học, nên không cần làm

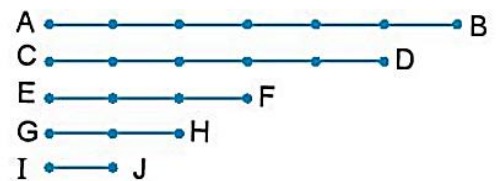
3. Em cùng các bạn hãy ước lượng chiều dài, chiều rộng và bề dày của cuốn sách giáo khoa Toán 6, tập hai với đơn vị đo xăng-ti-mét và mi-li-mét, sau đó dùng thước kẻ để kiểm tra lại kết quả đó.

(Học sinh tự làm)

4. Tìm độ dài của tất cả các đoạn thẳng có trong hình bên, nếu như đơn vị đo là độ dài của đoạn thẳng:

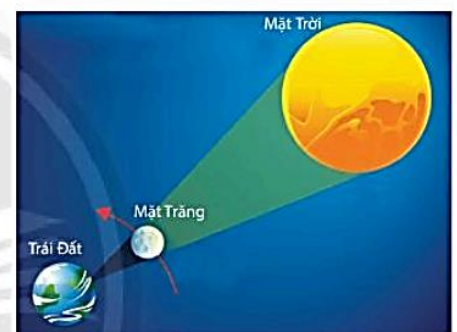
a) IJ;

b) AB.



(học sinh tự làm)

5. Cho biết khoảng cách giữa Trái Đất và Mặt Trời khoảng 150 000 000 km và khoảng cách giữa Trái Đất và Mặt Trăng khoảng 384 000 km. Hỏi khi xảy ra hiện tượng nhật thực thì khoảng cách giữa Mặt Trời và Mặt Trăng là khoảng bao nhiêu ki-lô-mét?



(học sinh tự làm)

3. MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CHỦ ĐỀ 1: CÁC PHÉP ĐO

BÀI 4. ĐO CHIỀU DÀI

BÀI 5. ĐO KHỐI LƯỢNG

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI): Học sinh cần học thuộc các nội dung kiến thức sau:

BÀI 4. ĐO CHIỀU DÀI

I. Đơn vị đo và dụng cụ thường được dùng để đo chiều dài một vật là gì?

- Đơn vị đo độ dài ở Việt Nam thường dùng là mét, kí hiệu là m.
- Dụng cụ đo độ dài là thước: kẻ, dây, cuộn, kẹp...

II. Hệ thống đơn vị đo độ dài và chuyển đổi đơn vị đo độ dài.

Đơn vị	Kí hiệu	Quy đổi ra mét
Milimét (Milimetre)	mm	$1 \text{ mm} = \frac{1}{1000} \text{ m} = 0,001 \text{ m}$
Xentimét (Centimetre)	cm	$1 \text{ cm} = \frac{1}{100} \text{ m} = 0,01 \text{ m}$
Đéximét (Decimetre)	dm	$1 \text{ dm} = \frac{1}{10} \text{ m} = 0,1 \text{ m}$
Kilômét (Kilometre)	km	$1 \text{ km} = 1000 \text{ m}$

III. GHĐ và ĐCNN là gì? Cách đo được chiều dài một vật bằng thước.

- GHĐ (Giới hạn đo): là độ dài lớn nhất ghi trên thước.
- ĐCNN (Độ chia nhỏ nhất): là độ dài giữa hai vạch chia liên tiếp trên thước.

 **Khi đo chiều dài một vật bằng thước ta cần thực hiện các bước sau:**

Bước 1: Ước lượng chiều dài của vật cần đo

Bước 2: Chọn thước đo có GHĐ và ĐCNN phù hợp

Bước 3: Đặt thước đo đúng cách

Bước 4: Đặt mắt vuông góc với thước, đọc giá trị chiều dài của vật cần đo theo giá trị của vạch chia gần nhất với đầu kia của vật.

Bước 5: Ghi kết quả đo theo đơn vị ĐCNN cho mỗi lần đo.

BÀI 5. ĐO KHỐI LƯỢNG

I. Đơn vị đo và dụng cụ thường được dùng để đo khối lượng một vật là gì?

- Đơn vị đo khối lượng là kilôgam (kg).
- **Dụng cụ khối lượng là cân:** Cân đòn, cân đồng hồ, cân y tế, cân tạ, cân Robecvan,...

II. Hệ thống đơn vị đo khối lượng và chuyển đổi đơn vị đo khối lượng

Đơn vị	Kí hiệu	Đổi ra kg
Miligam (miligram)	mg	1 mg = 0,000 001 kg
Gam (gram)	g	1 g = 0,001 kg
Hectôgam (Hectogram) còn gọi là lạng	hg	1 hg = 0,1 kg
Yến	-	1 yến = 10 kg
Tạ	-	1 tạ = 100 kg
Tấn	t	1 t = 1000 kg

VI. Cách đo khối lượng 1 vật bằng cân.

 **Khi đo khối lượng một vật bằng cân, ta cần thực hiện các bước sau:**

Bước 1: Ước lượng khối lượng của vật cần đo

Bước 2: Chọn cân đo có GHĐ và ĐCNN phù hợp

Bước 3: Hiệu chỉnh cân đúng cách trước khi đo.

Bước 4: Đặt vật lên cân hoặc treo vật vào móc cân.

Bước 5: Đọc và ghi kết quả đo theo vạch chia gần nhất với đầu kim cân.

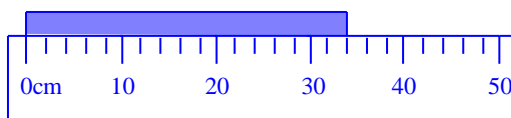
B. LUYỆN TẬP: Học sinh vận dụng kiến thức bài 4 và bài 5 để hoàn thành Phiếu học tập Số 3 (đính kèm dưới đây)

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Họ Tên học sinh:

Lớp: 6.....

Câu 1. Em hãy cho biết GHĐ và ĐCNN của thước, độ dài vật đo là bao nhiêu?

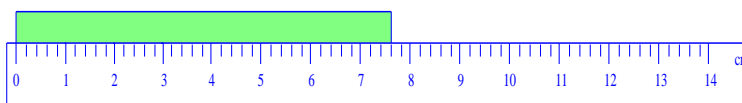


Hướng dẫn trả lời:

- Giới hạn đo là:50 (cm)...(số lớn nhất ghi trên dụng cụ đo)
- Độ chia nhỏ nhất là : 2cm
- Độ dài khúc gỗ là: 34(cm) ($kq = 30 + 2 \times 2 = 34cm$)

Câu 2: Quan sát hình và trả lời các câu hỏi dưới đây.

- Giới hạn đo là:
- Độ chia nhỏ nhất là:
- Độ dài khúc gỗ là:.....



Câu 3.

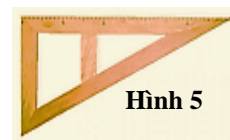
Cho các loại thước sau: thước cuộn (hình 3), thước dây (hình 4) và thước êke (hình 5).

Để đo chiều dài chiếc bảng đen lớp học của em thì dùng thước nào là hợp lý nhất? Để đo vòng eo thắt lưng của khách thì người thợ may chọn thước nào? Em cho biết giới hạn đo và độ chia nhỏ nhất của thước ở hình 6.

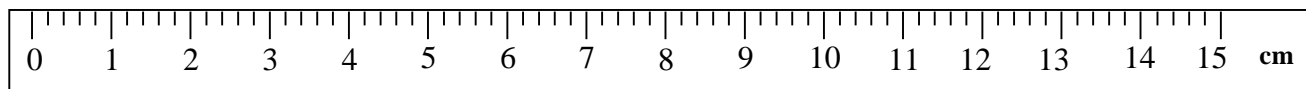
Hình 3



Hình 4



Hình 5



Hình 6

.....
.....
.....

Câu 4. Em hãy đổi các đơn vị đo khối lượng dưới đây?

- a) 4,6 tấn = kg
- b) 9 g =kg
- c) 2,5 tạ kg
- d) 3 hg = g
- e) 735 kg =tạ

Câu 5. Khi em mua trái cây ở chợ, người bán thường sử dụng loại cân nào dưới đây.

- A. cân tạ. B. cân Roberval. C. cân đồng hồ. D. cân tiểu li.

.....

Câu 6. Loại cân thích hợp để sử dụng cân vàng, bạc ở các tiệm vàng là

- A. cân tạ. B. cân đòn. C. cân đồng hồ. D. cân tiểu li.

.....

Câu 7. Lấy một ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai về kích thước các vật ?

.....

Câu 8. Tại sao trước khi đo độ dài ta cần ước lượng chiều dài vật cần đo. Em hãy ước lượng được chiều dài của vật trong gia đình như cái bàn, cái tủ, quyển tập,.. Từ đó em hãy chọn thước đo cho phù hợp với các vận dụng mà em vừa ước lượng?

.....
.....
.....
.....

Câu 9. Chỉ ra được thao tác sai khi đo chiều dài bằng thước và cách khắc phục?

.....
.....
.....
.....

Câu 10. Em hãy chỉ ra một số thao tác sai khi đo khối lượng và cách khắc phục?

.....
.....
.....
.....

4. MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ

PHẦN ĐỊA LÝ

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GIỚI):

BÀI 1. HỆ THỐNG KINH, VĨ TUYẾN. TỌA ĐỘ ĐỊA LÍ

1. Hệ thống kinh, vĩ tuyến

- Kinh tuyến là các đường nối cực Bắc với cực Nam trên bề mặt quả Địa Cầu.
- Vĩ tuyến là các vòng tròn bao quanh quả Địa Cầu, song song với đường Xích đạo.
- Kinh tuyến gốc là kinh tuyến được đánh số 0° , đi qua Đài thiên văn Grin-uych ở ngoại ô Luân Đôn (Anh).
- Vĩ tuyến gốc hay Xích đạo (0°), chia quả Địa Cầu thành hai bán cầu: bán cầu Bắc và bán cầu Nam.

2. Tọa độ địa lí

- Kinh độ của một điểm là khoảng cách tính bằng số độ từ kinh tuyến đi qua điểm đó đến kinh tuyến gốc.
- Vĩ độ của một điểm là khoảng cách tính bằng số độ từ vĩ tuyến đi qua điểm đó đến vĩ tuyến gốc (xích đạo).
- Tọa độ địa lí của một điểm là kinh độ và vĩ độ của điểm đó trên bản đồ hay quả Địa Cầu.
- Khi viết tọa độ địa lí của một điểm, ghi vĩ độ trước và kinh độ sau.

Cách viết: A $\begin{cases} KD \\ VD \end{cases}$ Hoặc A (Kinh độ, Vĩ độ)

Ví dụ : A $\begin{cases} 130^\circ D \\ 10^\circ B \end{cases}$ hoặc ($130^\circ D, 10^\circ B$)

3. Lưới kinh, vĩ tuyến của bản đồ thế giới

Hình 1.3a : Kinh tuyến và vĩ tuyến đều là những đường thẳng song song cách đều nhau. Các kinh tuyến, vĩ tuyến vuông góc với nhau.

Hình 1.3b : Kinh tuyến là những đường thẳng chụm lại ở cực, vĩ tuyến là những cung tròn đồng tâm.

Hình 1.3c : Kinh, vĩ tuyến gốc là những đường thẳng; các kinh, vĩ tuyến còn lại là những đường cong.

Bài 2. KÍ HIỆU VÀ CHÚ GIẢI TRÊN MỘT SỐ BẢN ĐỒ THÔNG DỤNG

I. Kí hiệu bản đồ và chú giải:

- Bản đồ là hình vẽ thu nhỏ một phần hoặc toàn bộ Trái Đất lên một mặt phẳng
- Kí hiệu bản đồ là những hình vẽ. Màu sắc, chữ viết... mang tính qui ước dùng để thể hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ
- Kí hiệu bản đồ giúp người đọc phân biệt được sự khác nhau của các thông tin thể hiện trên bản đồ.
- Ý nghĩa của kí hiệu được giải thích rõ ràng trong bảng chú giải.

II. Các loại kí hiệu bản đồ:

- Kí hiệu bản đồ có nhiều dạng khác nhau, trong đó chia làm 3 dạng:
 - + Kí hiệu tượng hình

+ Kí hiệu hình học

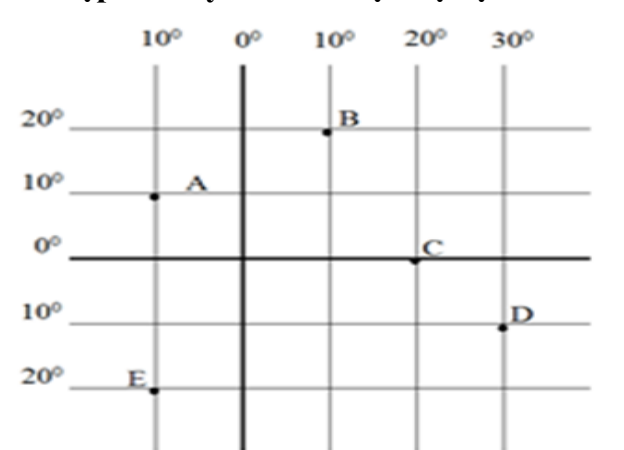
+ Kí hiệu chữ

-Hệ thống kí hiệu trên bản đồ thường chia thành 3 loại:Kí hiệu điểm,kí hiệu đường,kí hiệu diện tích

B. LUYỆN TẬP:

Bài tập 1:Tra cứu thông tin, ghi tọa độ địa lí các điểm cực (Bắc, Nam, Đông, Tây) trên phần đất liền nước ta.

Bài tập 2 :Hãy cho biết tọa độ địa lí của điểm A,B,C,D



Bài tập 3 : Trong các yếu tố địa lí sau được thể hiện trên bản đồ, yếu tố nào sử dụng kí hiệu điểm, yếu tố nào sử dụng kí hiệu đường?

- Đường biên giới, ranh giới, sông ngòi, đường ô tô...

- Mỏ than đá, dầu mỏ, sắt, đồng...

5. MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

Bài 1: TỰ HÀO VỀ TRUYỀN THỐNG GIA ĐÌNH, DÒNG HỌ .

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

1 . Mỗi gia đình, dòng họ Việt Nam đều có truyền thống về văn hoá, đạo đức, lao động, nghề nghiệp, học tập,...

2. **Tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ là** : thể hiện sự hài lòng, hãnh diện về các giá trị tốt đẹp mà gia đình, dòng họ đã tạo ra.

3 . **Ý nghĩa** : Truyền thống của gia đình, dòng họ giúp chúng ta có thêm kinh nghiệm, động lực, vượt qua khó khăn, thử thách và nỗ lực vươn lên để thành công.

4 . **Rèn luyện** : Chúng ta cần tự hào, trân trọng, nối tiếp và gìn giữ truyền thống của gia đình, dòng họ bằng hành động và thái độ phù hợp.

B. LUYỆN TẬP:

Câu 1: Em hãy kể tên một số truyền thống mà em biết? (Về đạo đức, văn hóa, nghệ thuật, sản xuất, ...).

Câu 2: Em hãy tìm các câu ca dao, tục ngữ nói về truyền thống yêu nước, hiếu thảo, hiếu học, yêu nghề...?

Câu 3: Em sẽ làm gì để thể hiện sự tự hào về truyền thống của gia đình, dòng họ?

4. There are 3 _____ in my house.
a. bedrooms b. bedroom c. bedroomes
5. Our house has a small _____ .
a.pool b. bookstore c. restaurant

IV./ Put the adverbs of frequency into their right position.

1. My mother washes the dishes. (**sometimes**)

⇒ _____

2. I help my mother prepare for dinner. (**always**)

⇒ _____

3. We have fish for dinner. (**seldom**)

⇒ _____

4. My sister cleans the floor after having meal. (**usually**)

⇒ _____

5. They go shopping in the weekdays. (**never**)

⇒ _____

7. MÔN ÂM NHẠC

TIẾT 2:

LÍ THUYẾT ÂM NHẠC:

- + Các thuộc tính cơ bản của âm thanh có tính nhạc
- + Nhạc cụ tiết tấu: Bài thực hành số 1

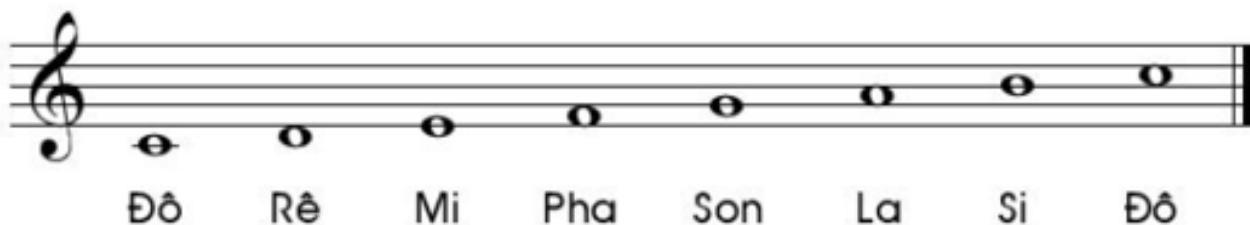
A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

1. Các thuộc tính cơ bản của âm thanh có tính nhạc:

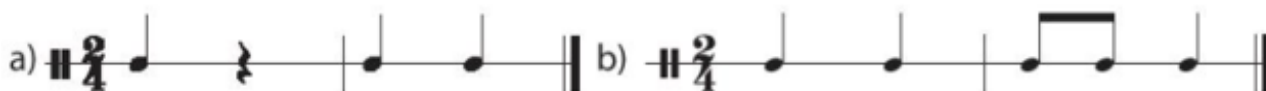
Âm thanh trong âm nhạc có 4 thuộc tính:

- Cao độ: độ cao, thấp của âm thanh.
- Trường độ: độ dài, ngắn của âm thanh. Để biểu thị trường độ, người ta dùng các kí hiệu nốt tròn, trắng, đen (♩), móc đơn (♪)..
- Cường độ: độ mạnh, nhẹ hoặc to, nhỏ của âm thanh. Để biểu thị cường độ, người ta dùng kí hiệu như *f* (mạnh) và *p* (nhẹ)
- Âm sắc: Màu sắc của âm thanh, chỉ sự khác nhau về tính chất âm thanh của các nhạc cụ, giọng hát...

* Vị trí và tên gọi của nốt nhạc: (hs phải học thuộc lòng)



2. Nhạc cụ tiết tấu: Bài thực hành số 1



Nhận xét 2 mẫu tiết tấu:

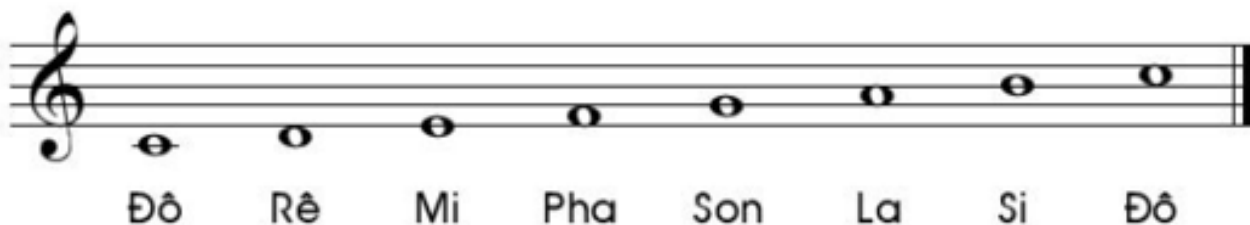
- Nhịp 2/4
- Hình nốt đen, dấu lặng đen, hình nốt móc đơn.
- Trường độ:

- Nốt đen ♩ : 1 phách.
- Nốt trắng : 2 phách
- Dấu lặng đen: 1 phách

B. LUYỆN TẬP:

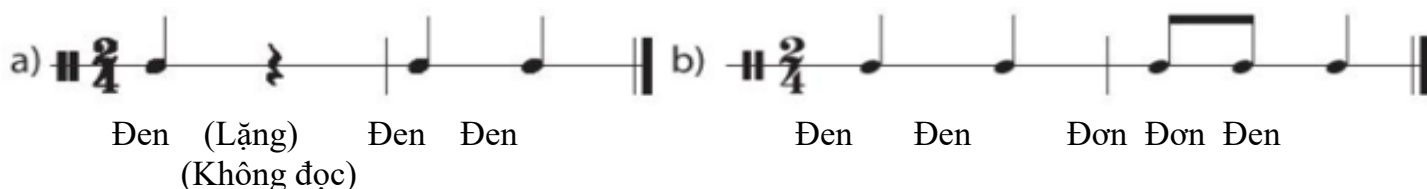
1. Các thuộc tính cơ bản của âm thanh có tính nhạc:

- Giới thiệu cho hs 4 thuộc tính âm thanh:
 - + Cao độ: độ cao, thấp của âm thanh.
 - + Trường độ: độ dài, ngắn của âm thanh.
 - + Cường độ: độ mạnh nhẹ của âm thanh.
 - + Âm sắc: sắc thái khác nhau của âm thanh.
- Cho học sinh ôn lại “ Vị trí và tên gọi của nốt nhạc ”

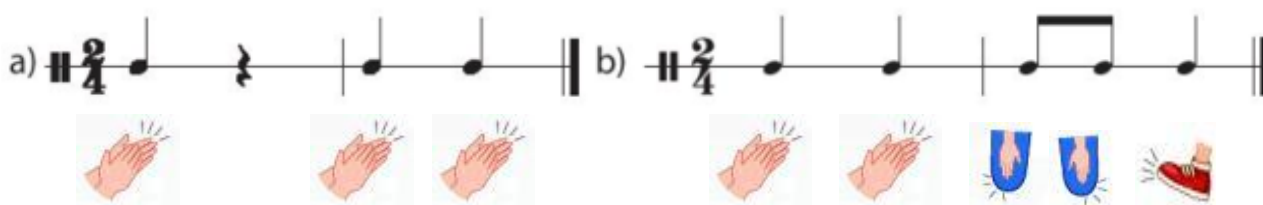


2. Nhạc cụ tiết tấu: Bài thực hành số 1

- **Bước 1:** Hs luyện tập hai mẫu tiết tấu dưới đây:



- **Bước 2:** Hs vừa đọc nốt vừa thực hiện động tác theo các kí hiệu sau:



- **Bước 3:** Sau khi thực hiện động tác thuần thục thì học sinh áp dụng động tác vào câu đầu của bài hát “Ngày khai trường”

Mùa thu sang là mùa khai trường, từng bước...

The image shows a musical score for the song "Mùa khai trường" (School Opening Season). It consists of two staves. The top staff is in treble clef with a key signature of one sharp (F#) and a 2/4 time signature. The melody is: G4 (quarter), A4 (quarter), B4 (quarter), C5 (quarter), B4 (quarter), A4 (quarter), G4 (quarter), F#4 (quarter), E4 (quarter), D4 (quarter). The bottom staff is in bass clef with a 2/4 time signature. The bass line is: G2 (quarter), F#2 (quarter), E2 (quarter), D2 (quarter), C2 (quarter), B1 (quarter), A1 (quarter), G1 (quarter). The lyrics "Mùa thu sang là mùa khai trường, từng bước..." are written below the top staff. Below the bottom staff, there are four illustrations: two pairs of hands clapping (one orange, one blue), two blue shoes, and one red shoe.

BÀI TẬP VỀ NHÀ:

- Học thuộc lòng vị trí nốt nhạc.
- Luyện tập cách gõ tiết tấu kết hợp với bài hát “Mùa khai trường”

8. MÔN MỸ THUẬT

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

CHỦ ĐỀ: NGHỆ THUẬT TIỀN SỬ THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM.

TIẾT 1, 2: NHỮNG HÌNH VẼ TRONG HANG ĐỘNG.

Việt Nam: hình khắc khuôn mặt, có biểu cảm.

Thế giới: hình vẽ con vật: hươu, ngựa, bò, tê giác, sư tử, cảnh đi săn...

B. LUYỆN TẬP:

Truy cập google, tìm và xem các hình vẽ trên hang động Laas Geel (Somalia), Lascaux và Chauvet (Pháp), Bhimbetka (Ấn Độ).

Theo em, người tiền sử vẽ, khắc hình lên vách hang động với mục đích gì?

9. MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

I. Kiến thức về dinh dưỡng trong hoạt động TDTT:

1. Tầm quan trọng và vai trò của các chất dinh dưỡng trong tập luyện thể dục thể thao và phát triển thể chất:

- Các chất dinh dưỡng có vai trò rất quan trọng trong việc nâng cao sức khỏe và phát triển cơ thể, giúp phòng ngừa bệnh tật và hồi phục sau tập luyện.

- Chế độ dinh dưỡng đầy đủ, hợp lý sẽ giúp cải thiện các thành phần cơ thể như giúp hệ xương, cơ rắn chắc; tăng trưởng chiều cao; tăng cường sức đề kháng và tránh suy dưỡng, béo phì. Ngoài ra, dinh dưỡng tốt cũng góp phần phát triển trí não, giúp tập trung trong học tập và rèn luyện thể chất, nâng cao thành tích thể thao.

- Trong tập luyện thể dục thể thao, dinh dưỡng còn góp phần tăng cường thể lực như sức nhanh, sức mạnh, sức bền, độ dẻo dai và sự khéo léo, tính tư duy, sáng tạo trong thi đấu thể thao; đồng thời giúp cơ thể phát triển cân đối, thân hình cường tráng và khỏe mạnh.

2. Nhóm thực phẩm chính và nước uống:

a. Nhóm thực phẩm cung cấp chất bột đường: các loại ngũ cốc, bánh mì, khoai lang, khoai tây, gạo, ngô, xán, mì, trái cây và rau củ,...

b. Nhóm thực phẩm cung cấp chất đạm: có nguồn gốc từ động vật như thịt, cá, tôm, trứng, sữa,...; hay từ thực vật như đậu nành, đậu Hà Lan, lạc, yến mạch, hạt bí đỏ, phô mai,...

c. Nhóm thực phẩm cung cấp chất béo: dầu ăn, dầu Oliu, mỡ động vật, dầu thực vật, lạc, vừng, hạt dẻ, hạt bí ngô,...

d. Nhóm thực phẩm cung cấp vitamin và chất khoáng: rau xanh, cần tây, dưa chuột, măng tây, cà rốt và quả chín như táo, cam, dưa hấu,...

e. Nước: rất cần thiết trong đời sống hằng ngày và trong tập luyện thể dục thể thao. Khi tập luyện, có thể sử dụng nước sạch đun sôi để nguội hoặc nước đóng chai có nguồn gốc rõ ràng. Ngoài ra có thể sử dụng nước trái cây và các loại nước ép từ rau củ,...

B. LUYỆN TẬP:

* Hướng dẫn bài khởi động, hồi tĩnh.

1. Khởi động chung: Xoay các khớp: Cổ, cổ tay, cổ chân, khớp khuỷu, khớp vai; vặn mình, xoay hông, lườn, bụng; ép dọc, ép ngang.

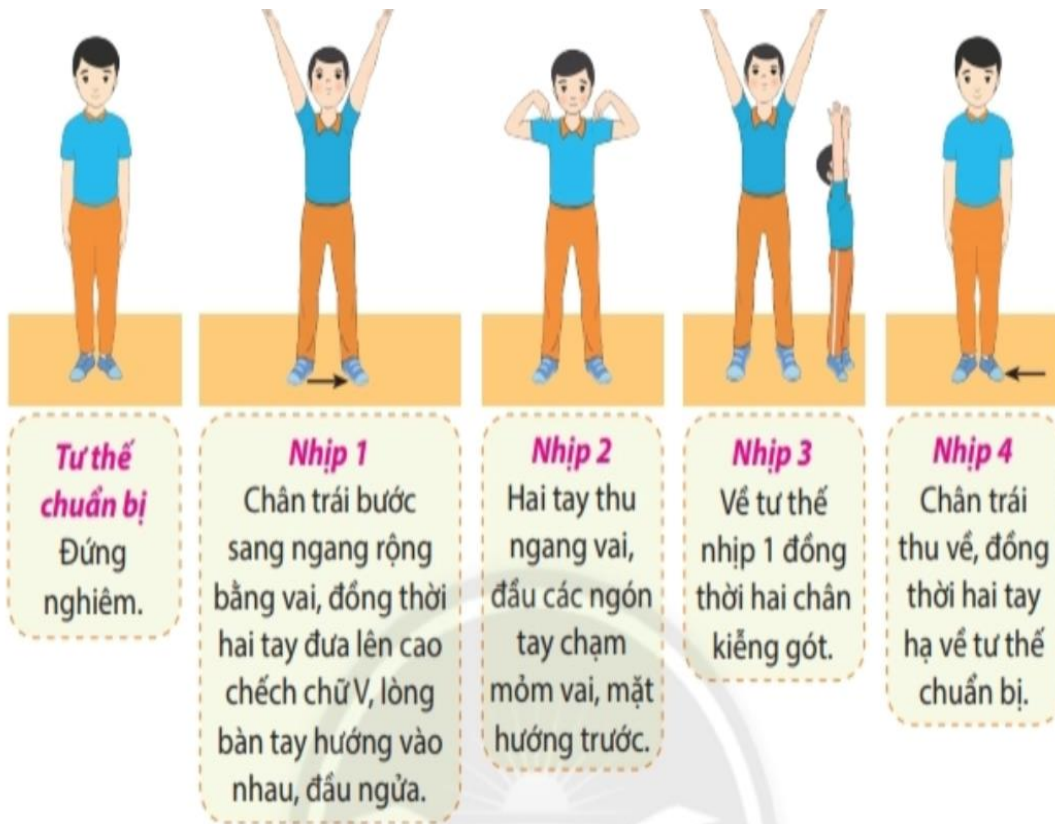
2. Khởi động chuyên môn: Tùy theo nội dung tập luyện chính mà ta có một số bài khởi động chuyên môn như:

- Chạy: Đi bước nhỏ, nâng cao đùi, chạy gót chạm mông, chạy đạp sau.

- Nhảy cao: Đá lăng, chạy đà giậm nhảy đá lăng.

- Nhảy xa: Đá lăng, nhảy bước bộ trên không.

3. Vận động cơ bản: Bài thể dục liên hoàn: Nhịp 1 - nhịp 8.



Hình 2. Bài thể dục liên hoàn từ nhịp 1-4

10. MÔN TIN HỌC

CHỦ ĐỀ A: MÁY TÍNH VÀ CỘNG ĐỒNG

Bài 2: LƯU TRỮ VÀ TRAO ĐỔI THÔNG TIN

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

1./ Lưu trữ thông tin:

- Lưu trữ thông tin là hoạt động đưa thông tin vào vật mang tin
- Dữ liệu là thông tin được chứa trong vật mang tin

Có ba dạng dữ liệu: dạng chữ và số, dạng hình ảnh, dạng âm thanh

2./ Trao đổi thông tin:

Trao đổi thông tin là gửi thông tin tới bên nhận và nhận thông tin từ bên gửi

3./ Các bước trong hoạt động thông tin của con người:

* Quá trình hoạt động thông tin:

Con người thu nhận thông tin từ thế giới bên ngoài; Xử lý thông tin; ghi nhớ hoặc lưu trữ thông tin; trao đổi thông tin.

Não người là trung tâm trong quá trình này

4./ Vai trò quan trọng của thông tin và hoạt động thông tin:

Thông tin rất quan trọng đối với con người; hoạt động thông tin diễn ra thường xuyên trong cuộc sống hàng ngày. Thiếu thông tin có thể gây ra hậu quả nghiêm trọng.

B. LUYỆN TẬP:

1./ Trao đổi thông tin là gì:

Trao đổi thông tin là gửi thông tin tới bên nhận và nhận thông tin từ bên gửi

2./ Vai trò quan trọng của thông tin và hoạt động thông tin:

Thông tin rất quan trọng đối với con người; hoạt động thông tin diễn ra thường xuyên trong cuộc sống hàng ngày. Thiếu thông tin có thể gây ra hậu quả nghiêm trọng.

11. MÔN CÔNG NGHỆ

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GI):

IV. VẬT LIỆU XÂY DỰNG NHÀ Ở

- Vật liệu xây dựng nhà gồm:
 - + Vật liệu có sẵn trong tự nhiên (cát, đá, gỗ, tre, đất sét, lá,...)
 - + Vật liệu nhân tạo (xi măng, gạch, tôn, thép,...).
- Cát và xi măng được pha trộn tạo thành hỗn hợp vữa xi măng – cát. Vữa xi măng– cát kết hợp với đá hoặc sỏi tạo nên hỗn hợp bê tông rắn chắc.

V. QUY TRÌNH XÂY DỰNG NHÀ Ở

Quy trình chung xây dựng nhà ở gồm 3 bước sau:

- Bước 1: chuẩn bị xây dựng nhà (chọn kiểu nhà, vẽ thiết kế, chọn vật liệu...)
- Bước 2: Thi công (xây móng, dựng khung nhà, xây tường, lợp mái...)
- Bước 3: Hoàn thiện (trát tường, quét vôi, trang trí nội thất, lập hệ thống điện nước...)

B. LUYỆN TẬP:

Trả lời các câu hỏi sau đây:

- 1) Kể tên các loại vật liệu xây dựng nhà ở mà em biết?
- 2) Trình bày quy trình chung khi xây dựng nhà ở?
- 3) Liên hệ nhà mình là kiểu nhà gì?
- 4) Nhà mình được chia thành mấy khu vực? Kể tên? (Liên hệ thực tế nhà mình nhé)